

Bản án số: 03/2024/HS-ST.
Ngày 30-5-2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh K Lít.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Công.
2. Ông Tô Cẩn.

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Duy Bình, Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HS ngày 15/5/2024 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Thành Tr, sinh ngày 19/7/1990 tại huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn M, xã Bình M, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thành Nh và bà Võ Thị Th.

Chưa có vợ con.

Tiền sự: Không; tiền án: Có 02 tiền án về tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản”.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/10/2022 đến nay. Có mặt.

2/ Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/4/1991 tại huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn Phú L, xã Bình Tr, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Không xác định; Me: Bà Nguyễn Thị T.

Chưa có vợ con.

Tiền sự: Không; tiền án: 01 tiền án về tội “Cướp tài sản”.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/10/2022. Có mặt.

Bị hại: 1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Tổ dân phố D, thị trấn Di L, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ NLQ1, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Thôn Tr, xã Bình Th, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

2/ NLQ2, sinh 2001.

Nơi cư trú: Thôn Tr, xã Bình Th, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3/ NLQ3, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: Thôn Tr, xã Bình Th, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thành Tr và Nguyễn Văn T quen biết nhau khi chấp hành án tại Trại giam K, tỉnh Bình Định nên khi ra tù, cả hai thường gặp nhau. Do không có việc làm nhưng muốn có tiền tiêu xài nên Tr rủ T đi trộm cắp tài sản thì T đồng ý. Tr lên mạng xã hội facebook thấy có quảng cáo làm giấy tờ giả, biển số xe giả nên Tr đặt mua biển số xe máy giả với số tiền 250.000 đồng nhằm mục đích khi đi trộm cắp thì tráo đổi, tránh phát hiện, đồng thời mua 01 cờ lê, tự chế 01 dụng cụ phá khoá (đoản phá khoá chữ L) rồi đưa cho Tín cất giữ.

Ngày 05/9/2022, Tr điều khiển xe mô tô nhãn hiệu: Yamaha, số loại: Nouvo, màu sơn: Đỏ-đen, không xác định biển kiểm soát, mang theo 02 biển số xe máy giả đến nhà T để chở Tín đi trộm cắp xe máy. Khi đi, T mang theo dụng cụ khoá xe, 01 cờ lê do Tr đưa. Tr chở T từ huyện B qua huyện Sơn T rồi đến địa bàn huyện S. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến trước nhà ông Nguyễn Văn C thì nhìn thấy trong sân nhà ông C có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại se: SH Mode, màu sơn: Xanh-nâu, biển kiểm soát: 76N1-012.37, trên xe có để sẵn chìa khoá trong ổ khoá xe, nhà không khoá cửa cổng và không có ai trông coi nên Tr nói T vào lấy trộm, còn Tr đứng ngoài canh giới. T lén lút vào trong sân dắt trộm xe máy này ra ngoài đường, bật chìa khoá rồi nổ máy, điều khiển xe chạy về huyện B, còn Tr điều khiển xe máy Nouvo chạy theo phía sau T.

Tr và T chạy xe máy về đến xã Bình Th, huyện B thì T đưa xe máy trộm cắp được cho Tr đi cất giấu trong rẫy keo của người dân. Đến ngày 06/9/2022, Tr đến vị trí cất xe trộm cắp được, dùng cờ lê tháo bỏ biển số xe máy 76N1-012.37 ra, bẻ gãy rồi vứt bỏ tại rẫy keo, sau đó gắn biển số 76C1-462.17 mà Tr đã đặt mua trên

facebook trước đó vào xe máy trộm cắp được để tránh bị phát hiện. Để bán xe máy trộm cắp được, Tr tiếp tục lên mạng xã hội facebook đặt làm chứng nhận đăng ký xe máy biển kiểm soát 76C1-462.17 và có số khung, số máy, màu sơn trùng với đặc điểm của xe máy trộm cắp được với số tiền 1.000.000 đồng rồi nhờ NLQ1 đem đi cầm cố, NLQ1 nhờ NLQ2 đem xe đến cầm cố cho NLQ3 với số tiền 20.000.000 đồng, NLQ3 giữ lại 2.000.000 đồng rồi đưa lại cho NLQ2 18.000.000 đồng. Sau đó, NLQ2 đưa cho NLQ1 15.000.000 đồng và NLQ1 đưa lại cho Tr 15.000.000 đồng, Tr cho NLQ2 1.000.000 đồng, còn lại 14.000.000 đồng Tr tiêu xài cá nhân và đến nay Tr vẫn chưa đưa cho T số tiền 5.000.000 đồng.

Trong thời gian tháng 10/2022, Nguyễn Thành Tr và Nguyễn Văn T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 24/10/2022, Nguyễn Thành Tr và Nguyễn Văn T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và áp dụng biện pháp tạm giam. Ngày 29/5/2023, Toà án nhân dân huyện M xử phạt Nguyễn Thành Tr 05 năm 06 tháng tù và Nguyễn Văn T 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Hiện Nguyễn Thành Tr đang chấp hành án tại Trại giam G Bộ Công an thuộc xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai, còn Nguyễn Văn T đang chấp án tại Trại giam K Bộ Công an thuộc xã H, tỉnh Bình Định.

Tại Bản kết luận số: 23/KL-HĐĐGTS ngày 03/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe: SH Mode; màu sơn: Xanh-nâu; số khung: 5101DY098834; số máy: F51E0098871; biển kiểm soát: 76C1-462.71 có giá trị 35.000.000 đồng.

Tại kết luận giám định số: 23/KL-KTHS, ngày 29/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận biển số xe mô tô: 76C1-461.71 là biển số giả; Tại kết luận giám định số: 24/KL-KTHS, ngày 31/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, số 057389, ghi do Công an huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 29/10/2016 cho ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1985, địa chỉ: Hải N, Bình Th, B, Quảng Ngãi; xe có nhãn hiệu Honda, số loại SH Mode, màu sơn xanh nâu, BKS 76C1-46271 là giả.

Bản Cáo trạng số: 03/CT-VKS-SH ngày 22/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố: Bị cáo Nguyễn Thành Tr về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Tr từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Tr từ 06 tháng đến 01 năm tù.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt đối với Nguyễn Thành Tr từ 02 năm đến 03 năm tù.

- Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai bản án đối với Nguyễn Thành Tr theo quy định.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai bản án đối với Nguyễn Văn T theo quy định.

Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không đề nghị xử phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Đối với NLQ1, NLQ2 và NLQ3 xác định: Khi NLQ1, NLQ2 và NLQ3 đem cầm cố và nhận cầm cố chiếc xe máy nhãn hiệu: Honda, loại xe: SH Mode; màu sơn: Xanh-nâu; số khung: 5101DY098834; số máy: F51E0098871; biển kiểm soát: 76C1-462.71 mang tên chủ xe Nguyễn Văn T1, sinh năm 1985, địa chỉ: Hải N, Bình Th, Bì thì những người trên không biết là xe trộm cắp, giấy đăng ký mô tô, xe máy giả nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S không xem xét trách nhiệm hình sự đối với các NLQ1, NLQ2 và NLQ3 là có căn cứ.

- Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu nhận, như sau:

+ Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe: SH Mode; màu sơn: Xanh-nâu; số khung: 5101DY098834; số máy: F51E0098871 cho ông Nguyễn Văn C nhận là có căn cứ.

+ Đối với xe mô tô biển kiểm soát: 76C1-365.08; màu sơn: Đen đỏ; nhãn hiệu: Yamaha, loại: Nouvo; số máy: 086156; số khung: 086154 là của ông Đặng Quang V, việc Nguyễn Thành Tr và Nguyễn Văn T sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp thì ông V không biết, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã trả lại cho ông V nhận là có căn cứ.

+ Đối với 01 thanh kim loại màu trắng bạc hình chữ L, có kích thước 14cmx4,5cm, trên thanh kim loại có ghi chữ Top Pro Tools CR-V; 01 cờ lê bằng kim loại có chiều dài 14cm, trên thân cờ lê có ghi số 10 và số 14 đây là những công cụ mà Tr và T sử dụng để trộm cắp tại huyện S. Tuy nhiên, Tr và T vẫn sử dụng công cụ trên để trộm cắp tại huyện M đã được Tòa án nhân dân huyện M tuyên tịch thu tiêu huỷ theo bản án số: 13/2023/HSST, ngày 19/5/2023 nên không đề nghị xem xét.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị

Hội đồng xét xử tuyên:

+ Tịch thu tiêu huỷ 01 biển kiểm soát: 76C1-462.71; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: SH Mode, màu sơn: Xanh-nâu; số máy: F51E0098871, số khung: 5101DY098834 mang tên Nguyễn Văn T1, đây là đồ vật, tài liệu giả;

+ Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000 đồng tạm giữ trên người NLQ2, đây là tài sản do Nguyễn Thành Tr và Nguyễn Văn T phạm tội mà có.

- Về phần dân sự: Trong quá trình điều tra bị hại ông Nguyễn Văn C đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm, NLQ3 cũng không yêu cầu các bị cáo bồi thường, khắc phục hậu quả nên không đề nghị xem xét.

Các bị cáo không ý kiến tranh luận gì.

Bị hại Nguyễn Văn C nhất trí với ý kiến tranh luận của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Tòa án xét xử đúng pháp luật và có ý kiến giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi có nguồn tin về tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền điều tra, thời hạn điều tra đề điều tra, hỏi cung bị can, lấy lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan..., thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa cũng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Do lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên Nguyễn Thành Tr rủ Nguyễn Văn T cùng đi trộm cắp xe máy bán lấy tiền tiêu xài thì T đồng ý. Để thực hiện ý định, Tr lên mạng xã hội facebook thấy có quảng cáo làm giấy tờ giả, biển số xe giả nên Tr đặt mua giấy chứng nhận đăng ký xe máy giả và biển số xe máy giả nhằm mục đích khi đi trộm xe máy thì trao đổi biển số xe, tránh bị phát hiện, đồng thời mua 01 cò lê, tự chế 01 dụng cụ phá khoá rồi đưa cho T cất giữ. Đến ngày 05/9/2022, Nguyễn Thành Tr và Nguyễn Văn T đã trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: SH Mode; màu sơn: Xanh-nâu; số khung: 5101DY098834; số máy: F51E0098871; biển kiểm soát: 76C1-462.71 của ông Nguyễn Văn C trị giá 35.000.000 đồng. Như vậy, Hội

đồng xét xử nhận thấy, các bị cáo Nguyễn Thành Tr và Nguyễn Văn T đều là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện. Với những hành vi phạm tội của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Thành Tr còn thực hiện hành vi phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[3] Nay, Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo Nguyễn Thành Tr về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật;

Truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Những lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và được thẩm tra tại phiên toà. Vì vậy, Hội đồng xét xử kết luận: - Bị cáo Nguyễn Thành Tr về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự;

- Bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Riêng bị cáo Tr còn thực hiện hành vi xâm phạm hoạt động bình thường, đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, làm giảm hiệu lực quản lý của các cơ quan Nhà nước nên cần phải xử lý nghiêm các bị cáo.

[5] Hội đồng xét xử thấy trong vụ án “Trộm cắp tài sản” có đồng phạm nhưng đồng phạm giản đơn.

[6] Xét tính chất, mức độ phạm tội và vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: - Đối với bị cáo Nguyễn Thành Tr, bị cáo là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Nguyễn Văn T trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Văn C tại tổ dân phố D, thị trấn Di L, huyện S, đồng thời là người trực tiếp lên mạng xã hội facebook đặt mua biển số xe máy giả và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả, là người trực tiếp tháo biển số, gắn biển số giả vào xe máy SH mode trộm cắp của ông C, đưa cho NLQ1 đem đi cầm cố cho NLQ3 với số tiền 20.000.000 đồng.

Bị cáo có 02 tiền án, tại quận B, thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, chưa được xóa án tích, đến tháng 9/2022 lại tiếp tục phạm tội tại huyện M. Tại bản án số: 13/2023/HS-ST ngày 29/5/2023 Toà án nhân dân huyện M đã áp dụng tình tiết “tái phạm nguy hiểm” là tình tiết định khung hình phạt nên không xem xét tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự cũng như tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo trong vụ án

này.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, trong tội “Trộm cắp tài sản”, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; trong tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nhưng, ngày 13/5/2010 bị cáo bị Tòa án nhân dân quận B xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, đến ngày 30/8/2011 chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích, đến tháng 11/2011 bị cáo tái phạm, bị Toà án nhân dân thành phố Q xử phạt 10 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 08/7/2021 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 29/5/2023, bị Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, hiện đang chấp hành án tại Trại giam G Bộ Công an. Bị cáo không lấy đó làm bài học để trở thành công dân có ích cho xã hội thì nay bị cáo tiếp tục phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Điều đó chứng tỏ hình phạt trên chưa đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội hành vi phạm tội của bị cáo, cần thiết phải bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù một thời gian mới đủ tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Văn C.

Bị cáo có 01 tiền án, ngày 10/8/2011 bị Toà án nhân dân huyện B xử phạt 16 năm tù về tội “Cướp tài sản”, đến ngày 14/4/2021 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích, đến tháng 9/2022 tiếp tục phạm tội tại địa bàn huyện M. Tại bản án số: 13/2023/HS-ST ngày 29/5/2023 Toà án nhân dân huyện M đã áp dụng tình tiết “tái phạm nguy hiểm” là tình tiết định khung hình phạt nên không xem xét tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự cũng như tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo trong vụ án này.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nhưng, ngày 10/8/2011 bị cáo bị Toà án nhân dân huyện B xử phạt 16 năm tù về tội “Cướp tài sản”, đến ngày 14/4/2021 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 29/5/2023, bị Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, hiện đang chấp hành án tại Trại giam K Bộ Công an. Bị cáo không lấy đó làm bài học để trở thành công dân có ích cho xã hội thì nay bị cáo tiếp tục phạm tội. Điều đó chứng tỏ hình phạt trên chưa đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội hành vi phạm tội của bị cáo, cần thiết phải bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù một thời gian mới đủ tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[7] Theo khoản 5 Điều 173; khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định: Người

phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[8] Đối với NLQ1, NLQ2, NLQ3 thấy rằng: Khi NLQ1, NLQ2, NLQ3 đem cầm cố và nhận cầm cố chiếc xe máy nhãn hiệu: Honda, loại xe: SH Mode; màu sơn: Xanh-nâu; số khung: 5101DY098834; số máy: F51E0098871; biển kiểm soát: 76C1-462.71 mang tên chủ xe Nguyễn Văn T1, sinh năm 1985, địa chỉ: H, Bình Th, B từ bị cáo Tr thì NLQ1, NLQ2 và NLQ3 không biết là xe do các bị cáo trộm cắp và giấy đăng ký mô tô, xe máy giả nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S không xem xét trách nhiệm hình sự đối với các NLQ1, NLQ2 và NLQ3 là có căn cứ.

[9] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã trả lại cho chủ sở hữu nhận như sau:

+ Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe: SH Mode; màu sơn: Xanh-nâu; số khung: 5101DY098834; số máy: F51E0098871 cho ông Nguyễn Văn C nhận là có căn cứ.

+ Đối với xe mô tô biển kiểm soát: 76C1-365.08; màu sơn: Đen đỏ; nhãn hiệu: Yamaha, loại: Nouvo; số máy: 086156; số khung: 086154 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã trả lại cho ông Đặng Quang V nhận, Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Đối với 01 thanh kim loại màu trắng bạc hình chữ L, có kích thước 14cmx4,5cm, trên thanh kim loại có ghi chữ Top Pro Tools CR-V; 01 cờ lê bằng kim loại có chiều dài 14cm, trên thân cờ lê có ghi số 10 và số 14 đã được Tòa án nhân dân huyện M tuyên tịch thu tiêu huỷ theo bản án số: 13/2023/HSST, ngày 19/5/2023, Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Tuyên tịch thu tiêu huỷ 01 biển kiểm soát: 76C1-462.71; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: SH Mode, màu sơn: Xanh-nâu; số máy: F51E0098871, số khung: 5101DY098834 mang tên Nguyễn Văn T1;

+ Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000 đồng tạm giữ trên người NLQ2, đây là tài sản do Nguyễn Thành Tr và Nguyễn Văn T phạm tội mà có là có căn cứ.

[10] Về phần dân sự: Ông Nguyễn Văn C đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm, NLQ3 cũng không yêu cầu các bị cáo bồi thường, khắc phục hậu quả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 và Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành Tr phạm tội “Trộm cắp tài sản” và xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Tr 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù;

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành Tr phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Buộc bị cáo Nguyễn Thành Tr phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 02 (hai) năm tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hình phạt của hai bản án số: 03/2024/HS-ST ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện S và bản án số: 13/2023/HS-ST ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện M. Buộc bị cáo Nguyễn Thành Tr phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/10/2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 và Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hình phạt của hai bản án số: 03/2024/HS-ST ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện S và bản án số: 13/2023/HS-ST ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện M. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/10/2022.

Về xử lý vật chứng: + Tuyên tịch thu tiêu huỷ 01 biển kiểm soát: 76C1-462.71; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: SH Mode, màu sơn: Xanh-nâu; số máy: F51E0098871, số khung: 5101DY098834 mang tên Nguyễn Văn T1 (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/5/2024 giữa Công an huyện S với Chi cục Thi hành án dân sự huyện S).

+ Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000 đồng (Theo giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 07/11/2022 của Công an huyện S tại Kho bạc nhà nước huyện S).

Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Thành Tr và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15

ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Công an huyện S;
- Nhà tạm giữ - Công an huyện S;
- CQCSĐT- Công an huyện S;
- CQTHAHS - Công an huyện S;
- VKSND huyện S;
- THADS huyện S;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi ;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án + Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Đinh K Lít